TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2022
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lực.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà:* Bà Lữ Ngọc Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022, về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Ngô Thị H** – sinh năm: 1976 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: anh **Lương Thanh L** – sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Lương Thanh L hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh, chị đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 20/06/1997.

Sau ngày cưới vợ chồng cùng sinh sống tại ấp Q, xã H, huyện V được một thời gian thì cùng lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê sinh sống. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cải, anh

Long không phụ lo kinh tế gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Nay chị H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lương Thanh L.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Kim N, sinh ngày 25/07/1998 đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Lương Thị Kim D, sinh ngày 12/04/2008 đang sống chung với anh L, khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu D cho anh L nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Thanh L:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh, chị đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V vào ngày 20/06/1997.

Sau ngày cưới vợ chồng cùng sinh sống tại ấp Q, xã H, huyện V được một thời gian thì cùng lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê sinh sống. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn, đến tháng 05 năm 2020 thì có mâu thuẫn với cha ruột của chị H nên chị H nộp đơn xin ly hôn.

Nay anh L không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị H, xin đoàn tụ vì còn thương vợ con.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Kim N, sinh ngày 25/07/1998 đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Lương Thị Kim D, sinh ngày 12/04/2008 đang sống chung với anh L, nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì theo nguyện vọng của cháu Kim D theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Lương Thanh L.

- Về con chung: Giao cháu Lương Thị Kim D, sinh ngày 12/04/2008 cho anh Lương Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ngô Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Ngô Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Thanh L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn chị Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Thanh L đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân**: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị H trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Long không lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay cự cải, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến ly thân từ tháng 04 năm 2021 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin đoàn tụ của anh L là tốt, tuy nhiên anh chị đã sống chung một thời gian dài cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, anh Long không đưa ra được giải pháp đoàn tụ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh L, xét chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Lương Thanh L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L có hai người con chung tên Lương Kim N, sinh ngày 25/07/1998 đã thành niên nên anh L và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lương Thị Kim D, sinh ngày 12/04/2008 đang

sống chung với anh L, khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu D cho anh L nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu D có nguyện vọng muốn được sống với anh L, xét khả năng kinh tế và điều kiện sống của anh L đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do vậy giao cháu Lương Thị Kim D cho anh Lương Thanh L nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con**: Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thị Kim D mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Lương Thanh L.

- Về con chung:

Chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L thống nhất xác định cháu Lương Kim N, sinh ngày 25/07/1998 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung là cháu Lương Thị Kim D, sinh ngày 12/04/2008 cho anh Lương Thanh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Ngô Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thị Kim D mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) /tháng. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng đến khi cháu Kim D đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Ngô Thị H và anh Lương Thanh L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Buộc chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008032, ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Ngô Thị H còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Lương Thanh L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn